

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						342 785	169 848	159 421			
I		CẢNG CHÍNH						8 672	1 756	6 916			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						2 530	1 756	774			
1		THẮNG CƯỜNG	19/11	224/11	26/11	HN 2534	CỤC 4A.1	1 500	1 494	6	19/11	TD	
2		ĐTTM&DV	16/11	130/11	23/11	HD 2225	CỤC XỔ 1C	1 030	262	769	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						6 142		6 142			
1		ĐẠM HÀ BẮC	11/11	1384/11	26/11	QN 4320	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỖN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	11/11	1385/11	26/11	1 TĐ 12	CẨM 4A.1	2 392		2 392		HỘ LỖN	
3		CROMIT	19/11	132/11	26/11	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		XDCN MỎ	18/11	220/11	25/11	BN 1368	CỤC XỔ 1C	1 050		1 050		TD	
		Tàu chuyển tải						178 550	101 224	77 326			
		Tàu đang làm hàng						117 000	101 224	15 776			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1379/11		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	29 500	29 342	158	19/11	HỘ LỖN	KDTCP: 9.809,89 - CLM: 9.940,46 - KVCP: 9.591,49
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/11	1380/11		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 6A.1	23 300	20 254	3 046	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/11	1387-C/11		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	40 600	31 626	8 974	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTCO: 22.557,25 - KVCP: 8.000 - TTHG: 10.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	11/11	1383/11		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 5B.14	23 600	20 002	3 598	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 11.600 - KDTCP: 12.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						61 550		61 550			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/11	1395/11		HẢI NAM 39	CẨM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỖN	TTCO: 20.000 - CLM: 8.650
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/11	1396/11		HẢI NAM 87	CẨM 6A.14	32 900		32 900		HỘ LỖN	KDTCP: 13.000 - CLM: 7.000 - KVCP: 12.900
II		KHO G9-HÓA CHẤT						32 151	10 557	21 594			
		Tàu đã làm hàng						13 376	10 557	2 819			
1		CP ĐTTM&DV	15/11	189	22/11	BN - 2567	CẨM 8A	1 790	1 782	8	19/11	TD	ĐN - CS
2		CP ĐVVT QUẢNG NINH	17/11	211	24/11	BN - 2366	CẨM 8A	1 800	1 796	4	19/11	TD	CAO SƠN
3		CP SXKD KS DV TNN HẢI DƯƠNG	17/11	203	24/11	HP - 4358	CẨM 8A	771	764	7	19/11	TD	ĐN - CS
4		CP SXKD KS DV TNN HẢI DƯƠNG	17/11	208	24/11	BN - 1988	CẨM 8A	1 415	1 413	2	19/11	TD	ĐN - CS
5		SÔNG HỒNG	18/11	47	25/11	BN - 0766	CỤC 1A	1 000	972	28	19/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
6		CP SXKD KS DV TNN HẢI DƯƠNG	04/11	71	11/11	BN - 2228	CỤC 1B	1 050	1 034	16	19/11	TD	ĐN - CS
7		CP SXKD KS DV TNN HẢI DƯƠNG	18/11	218	25/11	BN - 1818	CẨM 7C	1 930	920	1 010	dỡ	TD	CAO SƠN
8		CP VT THUỶ	17/11	205	24/11	BN - 2308	CẨM 7C	1 650	894	756	dỡ	TD	CAO SƠN
9		CP HÀNG HẢI VN	17/11	207	24/11	HD 9699	CẨM 7C	1 970	983	987	dỡ	TD	CAO SƠN
		Tàu đã làm lệnh						18 775		18 775			
1		MIỀN BẮC	18/11	216	25/11	NB - 2952	CẨM 7A	1 050		1 050		PT CB	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		CP VT THUỶ	13/11	82	20/11	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		CP HÀNG HẢI VN	13/11	85	20/11	BN - 0962	CỤC 1B	1 164		1 164		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		CP DVVT QUẢNG NINH	14/11	89	21/11	BN - 2611	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		CP SXTM THAN UÔNG BÌ	14/11	98	21/11	BN - 2056	CỤC 1B	1 072		1 072		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
6		HÀ NAM NINH	13/11	159	20/11	BN - 2012	CÁM 8A	1 972		1 972		TD	CAO SƠN
7		MIỀN BẮC	14/11	172	21/11	BN 2662	CÁM 7A	1 950		1 950		TD	ĐN - CS
8		CP DVVT QUẢNG NINH	15/11	188	22/11	BN - 1962	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
9		CẦU ĐUÔNG	16/11	196	23/11	HN - 2187	CÁM 7A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
10		HÀ NỘI	16/11	198	23/11	BN - 2397	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
11		CP ĐTTM&DV	17/11	212	24/11	BN - 1336	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
12		CP SXKD KS DV TNV HẢI DƯƠNG	18/11	221	25/11	BN - 2329	CÁM 7C	1 500		1 500		TD	CAO SƠN
13		NINH BÌNH	18/11	222	25/11	BN - 1666	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
14		SÔNG HỒNG	19/11	223	26/11	HD 6628	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
15		XD CN MỎ	19/11	226	26/11	BN - 2196	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 51/11
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>2 380</u>	-	<u>2 380</u>			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						2 380		2 380			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	18/11	1394/11	30/11	TD 01-CHN	CÁM 5A.10	2 380		2 380		HỘ LỎN	
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>13 516</u>	<u>4 075</u>	<u>9 441</u>			
		Tàu đã làm hàng						4 676	4 075	601			
1		KDT MIỀN BẮC	18/11	219	30/11	HP 5915	CÁM 6A.1	2 376	2 369	7	19/11	PTCB	
2		VTT	18/11	217	25/11	BN 1856	BỪN 3C	1 200	1 190	10	19/11	TD	
3		VTT	17/11	210	24/11	BN 2615	ĐON 8A	1 100	516	584	RÓT DỖ	TD	
		Tàu đã làm lệnh						8 840		8 840			
1		KDT MIỀN BẮC	19/11	225	30/11	HD 5935	CÁM 6A.1	2 892		2 892		PTCB	
2		THAN MIỀN NAM	19/11	227	26/11	HOÀNG ANH 39	CỤC 1B	2 700		2 700		TD	NGUỒN QH
3		CHUYỂN TẢI VIỆT THUẬN STAR (ĐIỆN VĨNH T)	19/11	253	29/11	SƠN HẢI 08	CÁM 6A.1	3 248		3 248			
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>94 000</u>	<u>52 236</u>	<u>41 764</u>			
		Tàu đã làm hàng						55 000	52 236	2 764			
1		NHẤT BẢN	13/11	54/11/XK		MV QI HONG	CÁM 3B.1	55 000	52 236	2 764	RÓT DỖ		THAY 51/11/XK
		Tàu đã làm lệnh						39 000		39 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]